

Phụ lục 1

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VÀ SỰ NGHIỆP THUỘC CHƯƠNG TRÌNH NĂM 2022 KÉO DÀI 2023 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày / /2023 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Hà)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án, công trình	Chủ đầu tư	Hình thức đầu tư	Địa điểm XD	Quyết định đầu tư				Nguồn vốn năm 2022 kéo dài và điều chỉnh bổ sung			Thực hiện và giải ngân đến hết ngày 30/10/2023			Tỷ lệ giải ngân
					Số QĐ; ngày/ tháng/ năm	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW		NSDP	ĐC, BS		Kéo dài	ĐC, BS	Kéo dài	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	12	13	14	16	17	18
	CTMTQG PHÁT TRIỂN KT-XH VÙNG ĐBDTTS&MN					46.201,235	43.734,731	0,000	23.975,291	16.458,960	7.516,331	17.130,470	10.587,999	6.542,470	71,45
*	DỰ ÁN 1					4.847,042	4.847,042	0,000	4.768,881	2.857,000	1.911,881	2.544,250	793,762	1.750,488	53,35
1	Hỗ trợ trực tiếp nhà ở					398,000	398,000	0,000	398,000	398,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,00
1.1	Hỗ trợ 05 hộ xã Ngọc Wang	UBND xã Ngọc Wang	KCM	xã Ngọc Wang	665; 08/8/2023	199,000	199,000		199,000	199,000		0,000			0,00
1.2	Hỗ trợ 05 hộ xã Đắk Ui	UBND xã Đắk Ui	KCM	xã Đắk Ui	690; 18/8/2023	199,000	199,000		199,000	199,000		0,000			0,00
2	Xã Đắk Long					1.990,042	1.990,042	0,000	1.911,881	0,000	1.911,881	1.750,488	0,000	1.750,488	91,56
	Nước sinh hoạt tập trung tại các thôn Tua Team, thôn Pa Cheng, xã Đắk Long	UBND xã Đắk Long	Chuyển tiếp	xã Đắk Long	1368; 10/11/2022	1.990,042	1.990,042		1.911,881		1.911,881	1.750,488		1.750,488	91,56
2	Ban quản lý DA ĐT XD					2.459,000	2.459,000	0,000	2.459,000	2.459,000	0,000	793,762	793,762	0,000	32,28
	Nước sinh hoạt tập trung tại các thôn trên địa bàn xã Đắk Pxi	BQL dự án ĐTXD huyện	KCM	05 Giếng (H=120m; đường kính lỗ khoan 155-	225; 27/3/2023	2.459,000	2.459,000		2.459,000	2.459,000		793,762	793,762		32,28
***	DỰ ÁN 4					32.058,193	29.591,690	0,000	17.533,411	13.601,960	3.931,451	12.913,220	9.794,238	3.118,982	73,65
1	Xã Đắk Pxi					4.992,403	4.529,000	0,000	2.643,737	2.635,000	8,737	2.607,717	2.607,717	0,000	98,64
1.1	Đường vào khu sản xuất Đắk Xoa	UBND xã Đắk Pxi	Chuyển tiếp	Thôn Đắk Wek, xã Đắk Pxi	105; 07/11/2022	2.080,238	1.894,000		8,737		8,737	0,000			0,00
1.2	Đường đi khu sản xuất Đắk Kơ Đương (Đoạn nhà A Đliêu đi khu sản xuất)	UBND xã Đắk Pxi	KCM	Thôn Đắk Kơ Đương	70; 17/3/2023	993,858	899,000		899,000	899,000		886,283	886,283		98,59
1.3	Đường đi khu sản xuất Đắk Rơ Wang (Đoạn rẫy nhà ông Nguyễn Khắc Tuyên đến rẫy nhà ông Lê Ngọc Ước)	UBND xã Đắk Pxi	KCM	Thôn Đắk Rơ Wang	68; 17/3/2023	964,466	877,000		877,000	877,000		872,365	872,365		99,47

TT	Danh mục dự án, công trình	Chủ đầu tư	Hình thức đầu tư	Địa điểm XD	Quyết định đầu tư				Nguồn vốn năm 2022 kéo dài và điều chỉnh bổ sung			Thực hiện và giải ngân đến hết ngày 30/10/2023			Tỷ lệ giải ngân
					Số QĐ; ngày/ tháng/ năm	TMĐT			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			ĐC, BS	Kéo dài		ĐC, BS	Kéo dài	
							NSTW	NSDP							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	12	13	14	16	17	18
1.4	Đường đi khu sản xuất Đăk Rơ Wang (Đoạn rẫy nhà ông Vũ Ngọc Cường đến rẫy nhà ông Nguyễn Thế Chấn)	UBND xã Đăk Pxi	KCM	Thôn Đăk Rơ Wang	69; 17/3/2023	953,841	859,000		859,000	859,000		849,069	849,069		98,84
2	Xã Đăk Long					3.777,293	3.535,000	0,000	2.402,855	2.397,000	5,855	2.221,990	2.221,990	0,000	92,47
2.1	Đường giao thông thôn Kon Dao Yốp đoạn từ nhà ông A Tim đến nhà ông A Phế	UBND xã Đăk Long	Chuyển tiếp	Thôn Kon Dao Yốp	219; 20/9/2022	267,108	250,000		1,255		1,255	0,000			0,00
2.2	Đường giao thông đi khu sản xuất Đăk Ia (giai đoạn 2)	UBND xã Đăk Long	Chuyển tiếp	Thôn Kon Teo Đăk Lấp	218; 20/9/2022	945,567	888,000		4,600		4,600	0,000			0,00
2.3	Đường GTNT thôn Đăk Xế Kơ Ne đoạn từ Sân thể thao thôn đi khu sản xuất	UBND xã Đăk Long	KCM	Thôn Đăk Xế Kơ Ne	63; 22/3/2023	695,484	650,000		650,000	650,000		646,605	646,605		99,48
2.4	Đường giao thông đi khu sản xuất thôn Tua Team đoạn từ nhà ông Nhữ Sỹ Thành	UBND xã Đăk Long	KCM	Thôn Pa Cheng	64; 22/3/2023	853,174	797,000		797,000	797,000		792,620	792,620		99,45
2.5	Đường giao thông đi khu sản xuất thôn Tua Team đoạn đi Nhà máy nước SH	UBND xã Đăk Long	KCM	Thôn Tua Team	65; 22/3/2023	1.015,960	950,000		950,000	950,000		782,765	782,765		82,40
3	Xã Ngọc Réo					1.687,145	1.619,000	0,000	1.619,000	1.619,000	0,000	1.587,344	1.587,344	0,000	98,04
3.1	Đường giao thông thôn Đăk Têng (Đoạn từ nhà A Hnào đến nhà bà Y Dop)	UBND xã Ngọc Réo	KCM	Thôn Đăk Têng	39; 01/3/2023	106,937	100,000		100,000	100,000		98,813	98,813		98,81
3.2	Đường giao thông thôn Đăk Têng (Đoạn từ nhà cầu tràn đến nhà A Quang)	UBND xã Ngọc Réo	KCM	Thôn Đăk Têng	35; 01/3/2023	60,726	57,000		57,000	57,000		56,236	56,236		98,66
3.3	Đường giao thông thôn Kon Jong từ nhà ông A Nhật đến nhà A Lát	UBND xã Ngọc Réo	KCM	Thôn Kon Jong	36; 01/3/2023	74,579	70,000		70,000	70,000		69,060	69,060		98,66
3.4	Đường đi khu sản xuất Đăk Pe thôn Kon Sơ Tiu	UBND xã Ngọc Réo	KCM	Thôn Kon Sơ Tiu	37; 01/3/2023	448,833	422,000		422,000	422,000		419,670	419,670		99,45
3.5	Đường đi khu sản xuất thôn Kon Krók (Đoạn từ cầu đi khu nghĩa địa thôn Kon Krók)	UBND xã Ngọc Réo	KCM	Thôn Kon Krók	38; 01/3/2023	426,070	400,000		400,000	400,000		398,345	398,345		99,59
3.6	Trường tiểu học Lê Hồng Phong thôn Kon Jong xã Ngọc Réo; hạng mục: Công tường rào	UBND xã Ngọc Réo	KCM	Thôn Kon Jong	286; 14/4/2023	270,000	270,000		270,000	270,000		262,650	262,650		97,28
3.7	Đầu tư xây dựng nhà vệ sinh cho giáo viên và học sinh tại điểm trường tiểu học thôn Kon Rôn	UBND xã Ngọc Réo	KCM	Thôn Kon Rôn	289; 14/4/2023	300,000	300,000		300,000	300,000		282,570	282,570		94,19

TT	Danh mục dự án, công trình	Chủ đầu tư	Hình thức đầu tư	Địa điểm XD	Quyết định đầu tư				Nguồn vốn năm 2022 kéo dài và điều chỉnh bổ sung			Thực hiện và giải ngân đến hết ngày 30/10/2023			Tỷ lệ giải ngân
					Số QĐ; ngày/ tháng/ năm	TMĐT			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			ĐC, BS	Kéo dài		ĐC, BS	Kéo dài	
							NSTW	NSDP							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	12	13	14	16	17	18
4	Xã Ngọc Wang					4.984,287	3.750,826	0,000	2.011,655	1.993,960	17,695	801,126	792,357	8,769	39,82
4.1	Đường đi khu sản xuất thôn Đăk Duông, xã Ngọc Wang (nối tiếp đoạn đường bê tông hướng đi khu thao trường bán huyện)-(Giai đoạn 1)	UBND xã Ngọc Wang	Chuyển tiếp	Thôn Đăk Duông	301; 27/9/2022	301,650	251,972		1,139		1,139	0,000			0,00
4.2	Đường đi khu sản xuất thôn Kon Sơ Ri, xã Ngọc Wang (đoạn từ nhà ông Nguyễn Thọ Kỳ đến nhà ông A Mãi) - (giai đoạn 1)	UBND xã Ngọc Wang	Chuyển tiếp	Thôn Kon Sơ Ri	303; 27/9/2022	299,653	249,989		1,479		1,479	1,471		1,471	99,43
4.3	Đường đi khu sản xuất thôn Kon Stiui II, xã Ngọc Wang (đoạn từ tỉnh lộ 671 đi khu sản xuất) - (giai đoạn 1)	UBND xã Ngọc Wang	Chuyển tiếp	Thôn Kon Stiui II	304; 27/9/2022	300,824	250,985		1,485		1,485	1,471		1,471	99,06
4.4	Đường đi khu sản xuất thôn 7, xã Ngọc Wang (đoạn từ đường đi đập Đăk Trít đến rẫy hộ ông Trần Văn Trinh) - (giai đoạn 1)	UBND xã Ngọc Wang	Chuyển tiếp	Thôn 7	305; 27/9/2022	300,491	250,993		5,320		5,320	1,442		1,442	27,11
4.5	Đường đi khu sản xuất thôn Kon Brông, xã Ngọc Wang (đoạn từ cầu bê tông đi khu sản xuất Eo 3); Hạng mục: Bê tông xi măng mặt đường (giai đoạn 1)	UBND xã Ngọc Wang	Chuyển tiếp	Thôn Kon Brông	302; 27/9/2022	300,178	250,995		1,460		1,460	1,442		1,442	98,80
4.6	Đường đi khu sản xuất thôn Kon Gu I, xã Ngọc Wang (đoạn giáp đường liên xã (gần hồ Đăk Loh) qua đoạn rẫy ông Hồ Tấn Đông - (giai đoạn 1)	UBND xã Ngọc Wang	Chuyển tiếp	Thôn Kon Gu I	306; 27/9/2022	300,787	250,950		1,485		1,485	1,471		1,471	99,04
4.7	Đường đi khu sản xuất thôn 7, xã Ngọc Wang (đoạn từ tỉnh lộ 671 đến rẫy hộ ông Chế Liên) - (giai đoạn 1)	UBND xã Ngọc Wang	Chuyển tiếp	Thôn 7	307; 27/9/2022	300,796	250,983		5,325		5,325	1,471		1,471	27,62
4.8	Đường đi khu sản xuất thôn Đăk Duông, xã Ngọc Wang (nối tiếp đoạn đường bê tông hướng đi khu thao trường bán huyện) - (Giai đoạn 2)	BQL các CTMTQG xã	KCM	Thôn Đăk Duông	28; 24/02/2023	291,810	241,996		241,996	241,996		0,000			0,00
4.9	Nhà rông thôn Đăk Duông	BQL các CTMTQG xã	KCM	Thôn Đăk Duông	63; 10/3/2023	699,922	100,000		100,000	100,000		0,000			0,00

TT	Danh mục dự án, công trình	Chủ đầu tư	Hình thức đầu tư	Địa điểm XD	Quyết định đầu tư				Nguồn vốn năm 2022 kéo dài và điều chỉnh bổ sung			Thực hiện và giải ngân đến hết ngày 30/10/2023			Tỷ lệ giải ngân
					Số QĐ; ngày/ tháng/ năm	TMĐT			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			ĐC, BS	Kéo dài		ĐC, BS	Kéo dài	
							NSTW	NSDP							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	12	13	14	16	17	18
4.10	Đường đi khu sản xuất thôn Kon Brông; (đoạn từ cầu bê tông đi khu sản xuất eo 3); Hạng mục: Bê tông xi măng mặt đường - (Giai đoạn 2)	BQL các CTMTQG xã	KCM	Thôn Kon Brông	24; 24/02/2023	480,045	399,994		399,994	399,994		391,501	391,501		97,88
4.11	Đường đi khu sản xuất thôn 7, xã Ngọc Wang (đoạn từ đường đi đập Đăk Trít đến rẫy hộ ông Trần Văn Trình) - (giai đoạn 2)	BQL các CTMTQG xã	KCM	Thôn 7	27; 24/02/2023	437,777	362,991		362,990	362,990		302,242	302,242		83,26
4.12	Đường đi khu sản xuất thôn 7, xã Ngọc Wang (đoạn từ tỉnh lộ 671 đến rẫy hộ ông Chế Liên) - (giai đoạn 2)	BQL các CTMTQG xã	KCM	Thôn 7	26; 24/02/2023	351,176	289,991		289,991	289,991		0,000			0,00
4.13	Đường đi khu sản xuất thôn Kon Brông, xã Ngọc Wang; (đoạn từ nhà ông Nguyễn Văn Huân đi khu sản xuất); Hạng mục: Bê tông xi măng mặt đường - (giai đoạn 2)	BQL các CTMTQG xã	KCM	Thôn Kon Brông	25; 24/02/2023	120,177	99,989		99,989	99,989		98,613	98,613		98,62
4.14	Đường đi khu sản xuất thôn Kon Stiu II, xã Ngọc Wang (đoạn từ rẫy cà phê của hộ bà Phạm Thị Thanh Loan đến giáp nghĩa địa thôn Kon Stiu II) (Hạng mục: BTXM mặt đường và 01 Công thoát nước)	UBND xã Ngọc Wang	KCM	Thôn Kon Stiu II	250; 06/4/2023	499,000	499,000		499,000	499,000		0,000			0,00
5	Xã Đăk Hring					2.612,031	2.348,000	0,000	1.690,021	1.402,000	288,021	1.602,220	1.314,199	288,021	94,80
5.1	Xây mới Nhà Rông văn hóa Thôn Turia Pêng, xã Đăk Hring	UBND xã Đăk Hring	Chuyển tiếp	xã Đăk Hring	192; 15/9/2022	200,000	100,000		100,000		100,000	100,000		100,000	100,00
5.2	Xây mới Nhà Rông văn hóa Thôn ĐăkKang Yốp, xã Đăk Hring	UBND xã Đăk Hring	Chuyển tiếp	xã Đăk Hring	194; 15/9/2022	200,000	100,000		100,000		100,000	100,000		100,000	100,00
5.3	Cải tạo, nâng cấp chợ xã Đăk Hring, huyện Đăk Hà	UBND xã Đăk Hring	Chuyển tiếp	xã Đăk Hring	1335; 04/11/2022	746,000	746,000		88,021		88,021	88,021		88,021	100,00
5.4	Đường GT thôn KonMong đi KonProhTuria, xã ĐăkHring	UBND xã Đăk Hring	KCM	thôn Kon Mong	55; 15/3/2023	940,031	876,000		876,000	876,000		863,581	863,581		98,58
5.5	Xây dựng tường rào bao quanh điểm trường tại thôn KonProh Turia và các hạng mục khác	UBND xã Đăk Hring	KCM	thôn Kon Proh Turia	241; 03/4/2023	526,000	526,000		526,000	526,000		450,618	450,618		85,67
6	Xã Đăk Ui					1.657,747	1.603,000	0,000	1.402,798	1.402,000	0,798	753,710	752,912	0,798	53,73
6.1	Đường đi khu sản xuất Kon Pông	UBND xã Đăk Ui	Chuyển tiếp	Thôn Kon Pông	95; 26/9/2022	220,731	201,000		0,798		0,798	0,798		0,798	100,00
6.2	Đường nội bộ Wang Hra	UBND xã Đăk Ui	KCM	Thôn Wang Hra	07; 17/02/2023	487,016	452,000		452,000	452,000		450,235	450,235		99,61

TT	Danh mục dự án, công trình	Chủ đầu tư	Hình thức đầu tư	Địa điểm XD	Quyết định đầu tư				Nguồn vốn năm 2022 kéo dài và điều chỉnh bổ sung			Thực hiện và giải ngân đến hết ngày 30/10/2023			Tỷ lệ giải ngân
					Số QĐ; ngày/ tháng/ năm	TMĐT			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			ĐC, BS	Kéo dài		ĐC, BS	Kéo dài	
							NSTW	NSDP							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	12	13	14	16	17	18
6.3	Đường đi khu sản xuất thôn Mnhuô Mriang, Đập tràn qua đường	UBND xã Đăk Ui	KCM	Thôn Mnhuô Mriang	279; 13/4/2023	950,000	950,000		950,000	950,000		302,677	302,677		31,86
7	Xã Đăk La					1.271,260	1.204,863	0,000	804,502	701,000	103,502	446,202	446,202	0,000	55,46
7.1	Đường đi khu sản xuất thôn 8	UBND xã Đăk La	Chuyển tiếp	Thôn 8, xã Đăk La	204; 29/11/2022	274,009	251,942		53,311		53,311	0,000			0,00
7.2	Đường đi khu sản xuất thôn 10	UBND xã Đăk La	Chuyển tiếp	Thôn 10, xã Đăk La	205; 29/11/2022	268,515	251,921		50,191		50,191	0,000			0,00
7.3	Đường giao thông nông thôn thôn 8	UBND xã Đăk La	KCM	Thôn 8	26; 23/3/2023	375,737	348,000		348,000	348,000		100,490	100,490		28,88
7.4	Nâng cấp điểm trường thôn 10 đạt chuẩn	UBND xã Đăk La	KCM	Thôn 10	393; 17/5/2023	353,000	353,000		353,000	353,000		345,712	345,712		97,94
8	Xã Đăk Ngok					351,000	351,000	0,000	351,000	351,000	0,000	24,145	24,145	0,000	6,88
-	Sửa chữa hội trường và sân thể thao thôn Đăk Kđem; Hạng mục: Nhà hội trường, tường rào, sân thể thao và nhà vệ sinh	UBND xã Đăk Ngok	KCM	Thôn Đăk Kđem	325; 26/4/2023	351,000	351,000		351,000	351,000		24,145	24,145		6,88
9	Thị trấn Đăk Hà					677,027	603,000	0,000	352,638	351,000	1,638	0,000	0,000	0,000	0,00
9.1	Đường giao thông nông thôn thôn Long Loi đi nhóm 5 (giai đoạn 1)	UBND thị trấn Đăk Hà	Chuyển tiếp	Thôn Long Loi	174; 02/11/2022	289,411	252,000		1,638		1,638	0,000			0,00
9.2	Đường giao thông nông thôn Thôn Long Loi (giai đoạn 2); Hạng mục Nền mặt đường và rãnh thoát nước dọc	BQL các CTMTQG Thị trấn	KCM	Thôn Long Loi	46; 22/3/2023	387,616	351,000		351,000	351,000					0,00
6	Phòng Dân tộc					10.048,000	10.048,000	0,000	4.255,205	750,000	3.505,205	2.868,764	47,370	2.821,394	67,42
6.1	Xây dựng công, tường rào, bê tông sân trường điểm trường mầm non thôn Kon Tu, xã Đăk Ui	Phòng Dân tộc	Chuyển tiếp	<u>Thôn Long Loi</u>	1401; 16/11/2022	201,000	201,000		11,441		11,441	10,156		10,156	88,77
6.2	Thủy lợi Đăk Phía thôn Kon Teo Đăk Lập	Phòng Dân tộc	Chuyển tiếp	xã Đăk Long	1688; 29/12/2022	800,000	800,000		800,000		800,000	794,157		794,157	99,27
6.3	Nâng cấp tuyến Đường liên xã Ngok Wang đi xã Đăk La	Phòng Dân tộc	KCM	xã Ngok Wang-Đăk La	1689; 30/12/2022	6.718,000	6.718,000		1.209,000		1.209,000	1.209,000		1.209,000	100,00
6.4	Điểm trường TH thôn Turia Pêng, xã Đăk Hring; Hạng mục: Công, tường rào khuôn viên và các hạng mục khác	Phòng Dân tộc	Chuyển tiếp	Thôn Turia Pêng, xã Đăk Hring	1964; 31/12/2022	1.579,000	1.579,000		1.484,765		1.484,765	808,081		808,081	54,42

TT	Danh mục dự án, công trình	Chủ đầu tư	Hình thức đầu tư	Địa điểm XD	Quyết định đầu tư				Nguồn vốn năm 2022 kéo dài và điều chỉnh bổ sung			Thực hiện và giải ngân đến hết ngày 30/10/2023			Tỷ lệ giải ngân
					Số QĐ; ngày/ tháng/ năm	TMĐT			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			ĐC, BS	Kéo dài		ĐC, BS	Kéo dài	
							NSTW	NSDP							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	12	13	14	16	17	18
6.5	Sửa chữa lớp học Mẫu giáo thôn Pa Cheng, xã Đăk Long và các hạng mục khác	Phòng Dân tộc huyện	KCM	Thôn Pa Cheng	266; 12/4/2023	300,000	300,000		300,000	300,000		19,232	19,232		6,41
6.6	Đường đi khu sản xuất thôn Đăk Duông, xã Ngọc Wang (đoạn từ đường bê tông đến giáp ngã địa thôn nhóm Kon Chôn) (Hạng mục: Công thoát nước và san gạt, BTXM đường hai bên đầu cống)	Phòng Dân tộc huyện	KCM	Thôn Đăk Duông	278; 13/4/2023	450,000	450,000		450,000	450,000		28,138	28,138		6,25
****	DỰ ÁN 5					9.296,000	9.296,000	0,000	1.673,000	0,000	1.673,000	1.673,000	0,000	1.673,000	100,00
	Ban quản lý DA ĐT XD					9.296,000	9.296,000	0,000	1.673,000	0,000	1.673,000	1.673,000	0,000	1.673,000	100,00
-	Nâng cấp, bổ sung phòng học, phòng bộ môn các Trường PTDTBT	BQL DA ĐT XD huyện	Chuyển tiếp	xã Đăk Pxi, Đăk Long, Ngọc Réo	1671; 27/12/2022	9.296,000	9.296,000		1.673,000		1.673,000	1.673,000		1.673,000	100,00

Phụ lục 01
KẾT QUẢ THỰC HIỆN VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THUỘC
CHƯƠNG TRÌNH NĂM 2022 ĐƯỢC PHÉP KÉO DÀI SANG NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày / /2023 của UBND huyện Đắk Hà)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị/ Nội dung	KH vốn kéo dài sang năm 2023 tiếp tục thực hiện		Ghi chú
		Tổng số	Giải ngân đến 30/10/2023	
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
	TỔNG CỘNG 03 CHƯƠNG TRÌNH	5.034,949646	793,217000	15,75
C	DÂN TỘC THIỂU SỐ	5.034,949646	793,217000	
I	DA 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	1.006,000000	553,966000	
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề	732,184000	400,688000	
1.1	UBND xã Đắk Pxi	100,299000		
1.2	UBND xã Đắk Long	100,299000		
1.3	UBND xã Ngọc Réo	100,299000	100,299000	
1.4	UBND xã Ngọc Wang	150,449000		
1.5	UBND xã Đắk Hring	100,299000	200,299000	
1.6	UBND xã Đắk Ui	70,209000	70,000000	
1.7	UBND xã Đắk La	50,150000		
1.8	UBND xã Đắk Ngọc	30,090000	30,090000	
1.9	UBND Thị trấn Đắk Hà	30,090000		
2	Hỗ trợ nước SH phân tán	273,816000	153,278000	
1.1	UBND xã Đắk Pxi	45,134000		
1.2	UBND xã Đắk Long	45,134000		
1.3	UBND xã Ngọc Réo	45,134000	45,134000	
1.4	UBND xã Ngọc Wang	39,117000	39,000000	
1.5	UBND xã Đắk Hring	30,090000	30,090000	
1.6	UBND xã Đắk Ui	21,063000	21,000000	
1.7	UBND xã Đắk La	15,045000		
1.8	UBND xã Đắk Ngọc	18,054000	18,054000	
1.9	UBND Thị trấn Đắk Hà	15,045000		
II	DA 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	2.420,752490	28,760000	
1	TDA 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	755,891590	0,000000	

STT	Đơn vị/ Nội dung	KH vốn kéo dài sang năm 2023 tiếp tục thực hiện		Ghi chú
		Tổng số	Giải ngân đến 30/10/2023	
1.1	UBND xã Đăk Pxi	351,922000		
1.2	UBND xã Đăk Long	56,218000		
1.3	UBND xã Ngọc Réo	184,793500		
1.4	UBND xã Ngọc Wang	66,175090		
1.5	UBND xã Đăk Hring	96,238000		
1.6	UBND xã Đăk Ui	0,545000		
2	TDA 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	1.664,860900	28,760000	
1.1	UBND xã Đăk Pxi	200,000000		
1.2	UBND xã Đăk Long	200,000000		
1.3	UBND xã Ngọc Réo	250,000000		
1.4	UBND xã Ngọc Wang	350,000000		
1.5	UBND xã Đăk Hring	200,000000		
1.6	UBND xã Đăk Ui	350,000000		
1.7	UBND xã Đăk Ngọc	84,000000		
1.8	Huyện Đoàn	30,860900	28,760000	
III	DA 4: Duy tu sửa chữa	174,817795	173,781000	
1.1	UBND xã Đăk Pxi (Sửa chữa trường tiểu học Tô Vĩnh Diện)	0,352000		Hết NV chi
1.2	UBND xã Đăk Long (Sửa chữa 02 phòng học tiểu học điểm trường thôn Kon Teo Đăk Láp, xã Đăk Long)	151,781000	151,781000	
1.3	UBND xã Ngọc Réo (Sửa chữa điểm trường tiểu học Lê Hồng Phong, thôn Kon Jong, xã Ngọc Réo)	0,000000		
1.4	UBND xã Ngọc Wang (Điểm trường TH&THCS thôn Kon Stiu xã Ngọc Wang)	0,080795	0,000000	Đã đăng ký huỷ KH vốn
1.5	UBND xã Đăk Hring (Sửa chữa đường giao thông thôn Đăk Klong, xã Đăk Hring)	0,000000		
1.6	UBND xã Đăk Ui (Sửa chữa đường nội đồng thôn Kon Rngang, xã Đăk Ui)	0,000000		
1.7	UBND xã Đăk La (Đường giao thông thôn 10, xã Đăk La)	22,402000	22,000000	
1.8	UBND xã Đăk Ngọc (Hội trường thôn Đăk Kđem)	0,202000	0,000000	
1.9	UBND Thị trấn Đăk Hà (Duy tu bảo dưỡng nhà rông thôn Long Loi)	0,000000		

STT	Đơn vị/ Nội dung	KH vốn kéo dài sang năm 2023 tiếp tục thực hiện		Ghi chú
		Tổng số	Giải ngân đến 30/10/2023	
IV	DA 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	1.230,435913	0,000000	
1	TDA 1: Đổi mới hoạt động, cung cấp phát triển các trường PTDTNT, trường PTDTBT, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng ĐBĐTTS	94,000000	0,000000	
-	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện	94,000000		
2	TDA 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS	143,000000	0,000000	
-	Phòng Dân tộc	143,000000	0,000000	Ko thực hiện
3	TDA 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc DTTS	895,435913	0,000000	
3.1	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	723,689603		Hết NV chi
3.2	Phòng Nông nghiệp và PTNT	171,746310		
4	TDA 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp	98,000000	0,000000	
-	Phòng Dân tộc	98,000000		
V	DA 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	6,550000	0,000000	
-	Phòng Văn hóa - Thông tin huyện	6,550000		
VI	DA 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	123,110228	31,110000	
-	Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện	123,110228	31,110000	
VII	DA 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	4,613372	0,000000	
-	TDA 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào	4,613372	0,000000	
	Phòng Dân tộc	4,613372		
VIII	DA 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá	68,669848	5,600000	
1	TDA 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý	10,669848	0,000000	
-	Phòng Dân tộc	10,669848		
2	TDA 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS	20,000000	0,000000	
-	Phòng Văn hóa - Thông tin huyện	20,000000		
3	TDA 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	38,000000	5,600000	
-	Phòng Dân tộc	38,000000	5,600000	